

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm..... của Hiệu trưởng trường đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **BUSINESS ADMINISTRATION**

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã chương trình:

Ngành đào tạo (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Business Administration**

Mã ngành: **7340101**

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives – PO)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn, có khả năng vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng quản trị kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn, có khả năng ra quyết định quản trị phù hợp với những biến động thị trường và hội nhập quốc tế, có tư duy nghiên cứu độc lập và năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

PO1. Hệ thống được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật hiện hành; nắm vững các nguyên lý, quy luật kinh tế - xã hội, hiểu biết về doanh nghiệp, nền kinh tế, môi trường hoạt động, hệ thống quản lý; vận dụng được các kiến thức chuyên sâu cần thiết về quản trị các hoạt động và nguồn lực của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam và môi trường toàn cầu hóa; ứng dụng kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động để triển khai thực hiện nghiệp vụ và phát triển doanh nghiệp.

- Về kỹ năng

PO2. Giải quyết được một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị các hoạt động và lĩnh vực của doanh nghiệp gắn với hướng chuyên ngành lựa chọn; có khả năng tổ chức vận hành, kiểm soát và điều hành có hiệu quả các lĩnh vực của doanh nghiệp;

PO3. Thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, kiểm soát và giải quyết công việc chuyên môn phức tạp trong doanh nghiệp/tổ chức; có các kỹ năng mềm; kỹ năng khởi nghiệp; kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tự học, xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý và học tập suốt đời;

PO4. Đạt chuẩn kỹ năng tin học, công nghệ thông tin và tiếng Anh trong hoạt động quản lý và kinh doanh; có kỹ năng tư duy (tư duy hệ thống, logic, phản biện, sáng tạo), thích ứng với sự thay đổi và quản trị sự thay đổi và kỹ năng thích ứng linh hoạt trong môi trường đa văn hóa.

- Về thái độ

PO5. Luôn phát huy tinh thần và ý thức làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm, tận tâm, cởi mở, hòa đồng, chuyên nghiệp và kiểm soát cảm xúc; trau dồi tinh thần doanh nhân, đạo đức nghề nghiệp, học tập suốt đời để nâng cao trình độ.

PO6. Ý thức tự chủ trong việc lập kế hoạch quản lý nguồn lực, phân bổ và đánh giá cải thiện hiệu quả hoạt động với tinh thần cải tiến liên tục; giám sát thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân.

2. Chuẩn đầu ra chương trình (Program Learning Outcomes – PLO)

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng
2.1. Kiến thức		
PLO1	Vận dụng được những nguyên lý, kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nghề nghiệp và cuộc sống.	3
PLO2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của tổ chức/doanh nghiệp.	3
PLO3	Khái quát những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước và có sức khỏe tốt để học tập, làm việc suốt đời.	3
PLO4	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế, pháp luật trong kinh tế, nguyên lý kế toán, phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.	3

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng
PLO5	Vận dụng được những nguyên lý chung của khoa học quản trị và vận hành doanh nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về kế toán, tài chính, marketing, sản xuất và tác nghiệp làm cơ sở lý luận và thực tiễn của quản trị kinh doanh.	3
PLO6	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh,... để phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, xây dựng các mục tiêu kinh doanh, hoạch định, tổ chức triển khai và kiểm soát quá trình thực thi chiến lược sản xuất - kinh doanh.	3
PLO7	Vận dụng được các kiến thức liên quan đến quản trị dự án, quản trị rủi ro, quản trị thương hiệu, giao dịch và đàm phán kinh doanh,... để khởi sự kinh doanh và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.	3
PLO8	Phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức thực tế, thực tập về các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng về nghề nghiệp. Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, hoàn thành được một đề tài nghiên cứu mang tính thực tiễn.	3
2.2. Kỹ năng		
Kỹ năng chuyên môn		
PLO9	Hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
PLO10	Tổ chức điều hành các hoạt động chức năng cụ thể của doanh nghiệp như sản xuất, nhân lực, tài chính, marketing, bán hàng,...	4
PLO11	Quản trị được sự thay đổi và giải quyết được vấn đề phát sinh trong quản trị doanh nghiệp.	3
PLO12	Thu thập, phân tích và xử lý thông tin môi trường kinh doanh và thị trường để phát hiện đánh giá và lựa chọn cơ hội đầu tư.	3
PLO13	Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp xã hội và công việc chuyên môn quản trị kinh doanh. Đạt năng lực tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định nội bộ của Trường.	3
PLO14	Đảm bảo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.	3
Kỹ năng mềm		
PLO15	Tự tin giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục và có khả năng thiết lập mối quan hệ, làm việc nhóm và gắn kết con người.	3

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng
PLO16	Có kỹ năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.	3
PLO17	Sử dụng được một số ứng dụng và phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh và phần mềm chuyên dụng như phần mềm quản trị và hoạch định các nguồn lực trong doanh nghiệp.	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO18	Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.	3
PLO19	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc.	3
PLO20	Chủ động, tích cực học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với thay đổi của yêu cầu công việc trong doanh nghiệp.	3

2.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình

Mục tiêu (PO)	Kiến thức								Chuẩn đầu ra (PLO)											
									Kỹ năng									Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PLO 2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PLO 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15	PL O 16	PL O 17	PL O 18	PL O 19	PL O 20
PO1	x	X	X	X	X	X	x	x												
PO2									x	x	x	x								
PO3									x	x	x	x								
PO4													x	x	x	x	x			
PO5																		X		
PO6																			x	x

2.5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- Nhóm 1: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; chuyên viên

hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực; quản lý thị trường và thương mại,...

- Nhóm 2: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu
Vị trí: trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu,... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh cho mọi tổ chức thuộc chính phủ, phi chính phủ và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- Nhóm 3: Các doanh nghiệp sản xuất

Vị trí: có thể đảm nhận tốt các vị trí nhân viên/ trợ lý viên/ chuyên viên tại các bộ phận chức năng sau của doanh nghiệp:

- + Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh
- + Bộ phận quản trị dự án kinh doanh
- + Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực
- + Bộ phận quản trị tác nghiệp
- + Bộ phận quản trị chất lượng,...

Sau thời gian làm việc, tích lũy kinh nghiệm, có thể đảm nhận những vị trí cao cấp như: giám sát/quản lý/trưởng phòng/giám đốc tại các công ty trong nước và nước ngoài.

- Nhóm 4: Doanh nghiệp thương mại

Vị trí: làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp:

- + Bộ phận thuộc chức năng như marketing, bán hàng, logistics,...
- + Bộ phận nghiên cứu và dự báo thị trường,...

- Nhóm 5: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Vị trí: sau khi tốt nghiệp người học có thể là chuyên viên có năng lực, có khả năng tự bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm để trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực tự chủ kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

2.7. Các chương trình trong nước, quốc tế tham khảo:

- Trong nước

- + Chương trình Quản trị kinh doanh, trường Đại học Thương mại
- + Chương trình Quản trị kinh doanh, trường Đại học Thủy lợi
- + Chương trình Quản trị kinh doanh, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
- + Chương trình Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
- + Chương trình Quản trị kinh doanh, Đại học Điện lực
- + Chương trình Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp

- Nước ngoài: Chương trình Quản trị kinh doanh Đại học Staffordshire, Vương Quốc Anh.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức và cấu trúc của chương trình

4.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 137 tín chỉ

(Không tính số tín chỉ của 02 học phần: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)

4.2. Cấu trúc của chương trình

Khối kiến thức		Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản	38	33	5	
2	Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	86	67	19	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	32	0	
2.2	Kiến thức cốt lõi ngành	39	24	15	
2.3	Kiến thức bổ trợ	15	11	4	
3	Thực tập và trải nghiệm	13	13	0	
4	Nghiên cứu khoa học	11	11	0	
Tổng cộng		148	124	24	

5. Đối tượng tuyển sinh

- Tiêu chí tuyển sinh: căn cứ theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, đề án tuyển sinh của Trường.

- Hình thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT của các môn trong tổ hợp xét tuyển.

+ Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT.

+ Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐGNL).

+ Xét tuyển thẳng theo phương án riêng.

- Vùng tuyển sinh: cả nước

- Đối tượng tuyển sinh: đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình, phương thức tổ chức đào tạo: đào tạo theo học chế tín chỉ theo quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành.

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

+ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

+ Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.

+ Có chứng nhận tiếng Anh theo quy định của Trường.

7. Cách thức đánh giá

- Đánh giá học phần: Sinh viên được đánh giá qua các điểm thành phần theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần và đảm bảo các yêu cầu của quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành.

- Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, khóa học: Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học theo thang điểm 4, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo.

8. Nội dung chương trình

TT	MHP	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng số	LT	TH/TN	
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ KHOA HỌC CƠ BẢN	38	33	5	<i>Mã học phần tiên quyết được đánh dấu sao (*)</i>
1	O.D.CT.0006.3	Triết học Mác- Lênin Marxist -Leninist philosophy	3	3	0	Không
2	O.D.CT.0007.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist -Leninist politics and economics	2	2	0	D.CT.0006.3 Triết học Mác- Lênin
3	O.D.CT.0008.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	2	0	O.D.CT.0007.2
4	O.D.CT.0002.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	D.CT.0006.3 Triết học Mác- Lênin
5	O.D.CT.0009.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam The history of the Vietnamese communist party	2	2	0	D.CT.0002.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	O.D.CT.0004.2	Pháp luật Law	2	2	0	Không
7	O.D.NN.0400.5	Tiếng Anh cơ bản General English	5	4	1	Đạt tiếng Anh trình độ A1
8	O.D.TH.0401.4	Tin học đại cương General informatics	4	2	2	Không
9	O.D.CT.0005.3	Giáo dục thể chất Physical Education	3	1	2	Không
10	O.D.QP.0000.8	Giáo dục quốc phòng - An ninh National Defense and Security Education	8	8	0	Không
11	O.D.CB.0006.3	Toán cao cấp Economic Mathematics	3	3	0	Không
12		Toán xác suất và thống kê	2	2	0	D.CB.0006.3 Toán cao cấp

TT	MHP	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiền quyết/học trước
			Tổng g số	LT	TH/T N	
	O.D.CB.0408. 2	Probability and statistics				
8.2		KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH Basic Professional and Core knowledge	82	61	25	
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành Basic Professional Knowledge	32	27	5	
13	O.D.QT.1000. 3	Kinh tế vi mô	3	2	1	Không
14		Kinh tế vĩ mô	2	2	0	Kinh tế vi mô
15	O.D.QT.0400. 3	Quản trị học Administration Science	3	3	0	Không
16	O.D.KT.1200. 2	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ The theory of Money and Finance	2	2	0	Không
17	O.D.KT.0403. 3	Nguyên lý kế toán Accounting Theory	3	2	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ
18	O.D.QT.0401. 3	Marketing căn bản Principles of Marketing	3	2	1	Không
19	O.D.CB.0409. 2	Toán kinh tế Economic Mathematics	2	2	0	D.CB.0006.3 Toán cao cấp
20	O.D.CB.0410. 2	Kinh tế lượng Econometrics	2	2	0	D.CB.0409.2 Toán kinh tế
21	O.D.KT.0405. 2	Kinh tế quốc tế International economics	2	2	0	Lý thuyết tài chính tiền tệ Kinh tế vĩ mô
22	O.D.QT.0422. 2	Kinh tế môi trường Environmental economics	2	2	0	Kinh tế vi mô
23	O.D.QT.0424. 3	Thống kê kinh doanh Business Statistics	3	2	1	D.CB.0408.2 Toán xác suất và thống kê
24	O.D.CT.0400. 3	Pháp luật kinh tế Economic law	3	2	1	D.CT.0004.2 Pháp luật
25		Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	2	2	0	D.QT.0400.3 Quản trị học
8.2.2		Kiến thức cốt lõi ngành Core knowledge	39	24	15	

TT	MHP	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng g số	LT	TH/T N	
8.2.2.1		Học phần bắt buộc Compulsory Modules	27	16	11	
26	O.D.QT.0411.3	Quản trị nhân lực Human Resource Management	3	2	1	D.QT.0400.3 Quản trị học
27	O.D.QT.0429.3	Ứng dụng ERP trong quản trị doanh nghiệp ERP application in Enterprise Management	3	0	3	D.QT.0428.3 Hệ thống thông tin quản lý
28		Quản trị sản xuất và tác nghiệp Production and operations management	3	2	1	D.QT.0400.3 Quản trị học
29		Quản lý chất lượng Quality Management	3	2	1	D.QT.0400.3 Quản trị học
30		Quản trị tài chính doanh nghiệp Business Financial Management	3	2	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ
31		Quản trị chiến lược Strategy Management	3	2	1	D.QT.0400.3 Quản trị học
32	O.D.QT.0002.2	Khởi sự kinh doanh Starting a business	3	2	1	D.QT.0401.3 Marketing căn bản; D.QT.0424.3 Thống kê kinh doanh D.KT.0403.3 Nguyên lý kế toán
33	O.D.QT.0403.3	Lập và phân tích dự án đầu tư Making Plans and Analysing Projects	3	2	1	D.QT.0436.4 Thực tập nghề nghiệp
34		Quản trị đổi mới sáng tạo Innovation Administration	3	2	1	Quản trị học
8.2.2.2		Học phần tự chọn (chọn 4 học phần trong 8 học phần tương ứng 12 tín chỉ) Optional modules	12	8	4	
35		Quản trị rủi ro	3	2	1	Thực tập nghề

TT	MHP	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng g số	LT	TH/T N	
		Risk Administration				ngành
36		Quản trị chuỗi cung ứng Supply chain Administration	3	2	1	Thực tập nghề ngành
37		Quản trị logistics Logistics Administration	3	2	1	Thực tập nghề ngành
38		Quản trị bán hàng Sales Administration	3	2	1	Thực tập nghề ngành
39		Quản trị mua hàng Purchasing Administration	3	2	1	Thực tập nghề ngành
40		Quản trị doanh nghiệp Enterprise Administration	3	2	1	Thực tập nghề ngành
41		Quản trị marketing Marketing Administration	3	2	1	O.D.QT.0401.3 Marketing căn bản Thực tập nghề ngành
42	O.D.KT.0411. 3	Phân tích hoạt động kinh doanh Analysis of Business Activities	3	2	1	D.QT.0436.4 Thực tập nghề ngành
8.2.3		Kiến thức bổ trợ Supplementary Knowledge	15	11	4	
8.2.3.1		Học phần bắt buộc Compulsory modules	11	7	4	
43	O.D.KT.0417. 3	Thương mại điện tử E-Commerce	3	2	1	Không
44		Giao tiếp và đàm phán kinh doanh Business communication and negotiation	3	2	1	Không
45	O.D.NN.0406 .5	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh English for Administrative	5	3	2	D.NN.0400.5* Tiếng Anh cơ bản
		Học phần tự chọn (chọn 2 trong 7 học phần, tổng số tín tự chọn là 4 tín chỉ) Optional modules	4	4	0	
46		Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	Thực tập nghề

TT	MHP	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng g số	LT	TH/T N	
		Corporate Culture				ngành
47		Kế toán quản trị Management Accounting	2	2	0	D.KT.0403.3 Nguyên lý kế toán
48		Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh Problem solving and business decision making skills	2	2	0	D.QT.0400.3 Quản trị học
49		Kỹ năng lãnh đạo Leadership skills	2	2	0	Không
50		Kỹ năng bán hàng hiện đại Modern sales skills	2	2	0	Không
51		Quản trị thương hiệu Brand administration	2	2	0	O.D.QT.0401.3 Marketing căn bản Thực tập nghề ngành
52		Quản trị hành chính văn phòng Office administration	2	2	0	D.QT.0400.3 Quản trị học
8.3		THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM	13	0	13	
53		Thực tập nghề nghiệp Professional practice	4	0	4	D.QT.0424.3 Thống kê kinh doanh
54		Thực hành lập kế hoạch kinh doanh Practice business planning	3	0	3	Thực tập nghề ngành
55		Thực tập cuối khóa Professional Internship	6	0	6	Thực tập nghề ngành
8.4		NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SCIENTIFIC RESEARCH	11	2	9	
56	O.D.KT.0406. 2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2	0	Không

TT	MHP	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng g số	LT	TH/T N	
		Research Methods in Business				
57		Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học bổ sung các học phần tự chọn theo định hướng chuyên ngành còn lại sao cho đủ 9 TC) Graduate Report (or-accumulating enough 9 credits of the remaining optional subjects)	9	0	9	D.QT.0437.8 Thực tập cuối khoá
		Học phần tự chọn thay thế khóa luận định hướng chuyên ngành QTKD (chọn 3 trong 5 học phần, tương ứng với 9 tín chỉ)	9			
58	O.D.KT.0415.3	Thuế Taxes	3	2	1	Thực tập nghề nghiệp
59	O.D.KT.0407.3	Bảo hiểm Insurrance	3	2	1	Thực tập nghề nghiệp
60	O.D.KT.0414.3	Thị trường chứng khoán Stock Market	3	2	1	Thực tập nghề nghiệp
61	O.D.QT.0430.3	Quản trị công nghệ Technological Administration	3	3	0	Thực tập nghề nghiệp
62		Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh Applied informatics in business administration	3	0	3	Tin học đại cương Thống kê kinh doanh
		Tổng cộng: Total	149	95	54	

9. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa

9.1. Khung thời gian đào tạo

Năm học	Học		Thi HK	Hè	Tết	Lễ	Khai/bế giảng	Dự phòng	Cộng
	LT	TH							
I	22	8	6	8	3	2	1	2	52
II	18	12	6	8	3	2	-	3	52
III	19	11	6	8	3	2	-	3	52

IV	10	20	4	9	3	2	1	3	52
Cộng	69	51	22	33	12	8	2	11	208

9.2. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

TT	Tên học phần	Tín chỉ 153	Học kỳ								Khoa giảng dạy
			1	2	3	4	5	6	7	8	
			18	20	21	21	20	20	16	15	
1	Triết học Mác- Lênin	3	3								KHCB
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		2							KHCB
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2							KHCB
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						KHCB
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2							2		KHCB
6	Tiếng Anh cơ bản	5			5						THNN
7	Toán cao cấp	3	3								KHCB
8	Toán xác suất và thống kê	2		2							KHCB
9	Tin học đại cương	4	4								THNN
10	Pháp luật	2	2								KHCB
11	Giáo dục thể chất	3	3								KHCB
12	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8		8							Thuê ngoài
13	Kinh tế vi mô	3	3								KT
14	Kinh tế vĩ mô	2		2							KT
15	Quản trị học	3	3								KT
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2		2							KT
17	Nguyên lý kế toán	3			3						KT
18	Marketing căn bản	3			3						KT
19	Toán kinh tế	2			2						KHCB
20	Kinh tế lượng	2						2			KHCB
21	Kinh tế quốc tế	2					2				KT
22	Kinh tế môi trường	2				2					KT
23	Thống kê kinh doanh	3			3						KT
24	Pháp luật kinh tế	3				3					KHCB
25	Hệ thống thông tin quản lý	2						2			KT
26	Quản trị nhân lực	3				3					KT
27	Ứng dụng ERP trong quản trị doanh nghiệp	3							3		KT
28	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3					3				KT
29	Quản lý chất lượng	3						3			KT
30	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3			3						KT
31	Quản trị chiến lược	3				3					KT
32	Khởi sự kinh doanh	3						3			KT
33	Lập và phân tích dự án đầu tư	3						3			KT
34	Quản trị đổi mới sáng tạo	3						3			KT

TT	Tên học phần	Tín chỉ 153	Học kỳ								Khoa giảng dạy
			1	2	3	4	5	6	7	8	
			18	20	21	21	20	20	16	15	
35	Tự chọn cốt lõi ngành 1 (chọn 1 trong 2 học phần Quản trị rủi ro và Quản trị bán hàng)	3					3				KT
36	Tự chọn cốt lõi ngành 2: (chọn 1 trong 2 học phần Quản trị chuỗi cung ứng và Quản trị logistics)	3					3				KT
37	Tự chọn cốt lõi ngành 3: (Chọn 1 trong 2 học phần Quản trị mua hàng và Quản trị Marketing)	3					3				KT
38	Tự chọn cốt lõi ngành 4: (Chọn 1 trong 2 học phần Phân tích hoạt động kinh doanh và Quản trị doanh nghiệp)	3							3		KT
39	Thương mại điện tử	3						3			KT
40	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	3				3					KT
41	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	5					5				THNN
42	Tự chọn bổ trợ 1 (chọn một trong 3 học phần: Kế toán quản trị; Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; Văn hóa doanh nghiệp)	2				2					KT
43	Tự chọn bổ trợ 2 (chọn 1 trong 4 học phần Kỹ năng bán hàng hiện đại; Kỹ năng lãnh đạo; Quản trị thương hiệu; Quản trị hành văn phòng)	2							2		KT
44	Thực tập nghề nghiệp	4				4					KT
45	Thực hành lập kế hoạch kinh doanh	3							3		KT
46	Thực tập cuối khóa	6								6	KT
47	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2				2					KT
48	Khóa luận tốt nghiệp	9								9	KT
49	Học phần thay thế khóa luận ngành Quản trị kinh doanh (chọn 3 trong 5 học phần tương ứng với 9 tín chỉ: Thuế, Bảo hiểm, Thị trường chứng khoán; Quản trị công nghệ và Ứng dụng tin học trong quản trị kinh doanh)									9	KT THNN

10. Mô tả văn tắt nội dung học phần

10.1. Triết học Mác- Lênin

Học phần gồm những kiến thức về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đó là thế giới quan duy vật, những quy luật và nguyên lý phổ biến, vấn đề thực tiễn và con đường nhận thức chân lý; quy luật vận động và phát triển của xã hội, vấn đề giai cấp, dân tộc và con người. Từ đó có thể giới quan duy vật biện chứng và cách nhìn khoa học, khách quan đối với các vấn đề

tự nhiên, xã hội, con người; hiểu được cơ sở phương pháp luận và tin tưởng vào đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

10.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần gồm kiến thức cơ bản về quy luật về vận động và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đó là quy luật giá trị, quy luật giá trị thặng dư, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản; về nền kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, sinh viên vận dụng kiến thức vào giải quyết các mối quan hệ kinh tế trong hoạt động thực tiễn sản xuất, góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội của bản thân phù hợp với vị trí việc làm trong tương lai, có ý thức trách nhiệm thực hiện đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế.

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và con người.

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin

10.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần bao gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

10.6. Tiếng Anh cơ bản

Nội dung học phần gồm: Phần một cung cấp các kiến pháp liên quan đến các nhóm thì, các kiểu câu điều kiện, các dạng thức của động từ, lượng từ, cụm động từ, các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản trong công việc như gặp gỡ khách hàng, lập kế hoạch cho cuộc

hợp, đi công tác, thuyết trình, báo cáo, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tiếp đãi khách hàng, xin việc, phỏng vấn xin việc, khởi nghiệp, v.v. Ngoài ra, các kiến thức ngữ pháp được kết hợp chặt chẽ với đa dạng hoạt động thực hành 4 kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết với các vấn đề thông dụng có tính thực tế cao. Phần hai cung cấp những kiến thức cơ bản về bài thi TOEIC theo từng chủ điểm ngữ pháp và các dạng bài liên quan.

Điều kiện tiên quyết: Đạt tiếng Anh trình độ A1

10.7. Toán cao cấp

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số một biến số, đạo hàm của hàm số một biến, tích phân. Tiếp theo, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số nhiều biến, đạo hàm riêng và cực trị của hàm số nhiều biến, tích phân bội, phương trình vi phân.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.8. Toán xác suất và thống kê

Học phần trình bày những kiến thức về xác suất, biến ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức về thống kê mô tả, mẫu thống kê và các đặc trưng mẫu.

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

10.9. Tin học đại cương

Học phần bao các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Máy tính và mạng máy tính; Sử dụng hệ điều hành Windows để quản lý tài nguyên máy tính; Sử dụng, khai thác mạng Internet và thư điện tử; Những kỹ năng cơ bản về xử lý văn bản Microsoft Word; bảng tính điện tử Microsoft Excel; thiết kế bài thuyết trình và trình chiếu Microsoft Power point.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.10. Pháp luật

Học phần pháp luật trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Nhà nước, pháp luật và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như luật Hiến pháp; luật Hành chính; luật Hình sự; luật Dân sự; luật Lao động; luật phòng chống tham nhũng; pháp luật tố tụng.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.11. Giáo dục thể chất

Học phần giới thiệu nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triển và luật thi đấu của hai môn thể thao là Bóng chuyền và Cầu lông. Qua học phần, sinh viên được học và luyện tập các kỹ thuật cơ bản của hai môn thể thao này, đồng thời được giáo dục phương pháp rèn luyện nâng cao thể lực thông qua các giờ thực hành trên lớp và các giáo án thi đấu, ngoại khóa.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.12.1. Giáo dục quốc phòng - An ninh

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Phòng chống dịch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.12.2. Đường lối quân sự của Đảng

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh bao gồm những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.12.3. Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về điều lệnh đội ngũ; tác dụng, tính năng, cấu tạo một số loại vũ khí bộ binh; hiểu biết về một số loại thuốc nổ, bản đồ địa hình quân sự, vũ khí hủy diệt lớn; kỹ thuật cơ bản về băng bó cấp cứu trong chiến đấu. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tác dụng, tính năng, cấu tạo súng tiểu liên AK, cách ngắm bắn và biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK; biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.13. Kinh tế vi mô

Học phần gồm các nội dung tổng quan về kinh tế học, lý thuyết cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Học phần học trước: Không

10.14. Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề cơ bản của kinh tế học vĩ mô: tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân; tổng cầu và chính sách tài khoá; tiền tệ và chính sách tiền tệ; tổng cung và chu kỳ kinh doanh; thất nghiệp và lạm phát; tình thế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô

10.15. Quản trị học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các mục tiêu kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vĩ mô, các biến số kinh tế vĩ mô, tổng cung và tổng cầu;

Điều kiện tiên quyết: Không

10.16. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tài chính, hệ thống tài chính quốc gia; tiền tệ và lưu thông tiền tệ; các chế độ lưu thông tiền tệ, hệ thống các tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.17. Nguyên lý kế toán

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, vai trò, đối tượng kế toán, các khái niệm và các nguyên tắc được thừa nhận chung về kế toán, các phương pháp hạch toán kế

toán và vận dụng các phương pháp hạch toán kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp.

Điều kiện học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

10.18. Marketing căn bản

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức tổng quan về thị trường; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường; các chiến lược, kế hoạch và chính sách marketing, tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.19. Toán kinh tế

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán đối ngẫu, mối quan hệ giữa bài toán quy hoạch tuyến tính gốc với bài toán đối ngẫu. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên mô hình bài toán vận tải và các phương pháp tìm nghiệm của bài toán vận tải.

Học phần học trước: Toán cao cấp

10.20. Kinh tế lượng

Học phần kinh tế lượng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng các kỹ thuật thống kê vào việc ước lượng, kiểm định và dự báo các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế.

Học phần học trước: Toán kinh tế

10.21. Kinh tế quốc tế

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế như lý thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế; các chính sách thương mại quốc tế cũng như các rào cản thương mại tác động đến hoạt động của thương mại quốc tế. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về sự di chuyển quốc tế các nguồn lực, hoạt động của thị trường ngoại hối cũng như việc liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô; Lý thuyết tài chính tiền tệ

10.22. Kinh tế môi trường

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế và môi trường, quản lý môi trường xem xét trên góc độ kinh tế; kinh tế học chất lượng môi trường; đánh giá tác động và phân tích kinh tế của những tác động môi trường; phân tích những vấn đề về khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế và môi trường; những nội dung của quản lý môi trường phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và xu hướng biến đổi môi trường toàn cầu.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô

10.23. Thống kê kinh doanh

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đề cập đến các vấn đề cơ bản như phân tổ thống kê, đồ thị thống kê, các phương pháp phân tích và dự báo thống kê; thống kê kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; thống kê giá thành sản xuất; thống kê lao động của doanh nghiệp; thống kê tài sản cố định của doanh nghiệp.

Học phần học trước: Toán xác suất và thống kê

10.24. Pháp luật kinh tế

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các phương thức giải quyết tranh chấp

trong kinh doanh. Bên cạnh đó học phần còn giới thiệu về luật hải quan và các công việc liên quan đến thủ tục hải quan.

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật

10.25. Hệ thống thông tin quản lý

Hệ thống thông tin quản lý là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, gồm các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý; các loại hình hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định và ứng dụng trong doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực kinh doanh đảm bảo an toàn hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

10.26. Quản trị nhân lực

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm các nội dung: tầm quan trọng của quản trị nhân lực, các học thuyết và trường phái quản trị nhân lực: phân tích công việc; lập kế hoạch nguồn nhân lực; tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực; bố trí lao động; đào tạo và phát triển nhân lực; đánh giá kết quả thực hiện công việc; thù lao và chế độ đãi ngộ cho người lao động; các quan hệ lao động.

Điều kiện học trước: Quản trị học

10.27. Ứng dụng ERP trong quản trị doanh nghiệp

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng về phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP gồm mua hàng, bán hàng, kho và sản xuất; tổ chức thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Học phần học trước: Hệ thống thông tin quản lý

10.28. Quản trị sản xuất và tác nghiệp

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về quản trị sản xuất tác nghiệp; dự báo nhu cầu sản phẩm; hoạch định sản xuất; tổ chức sản xuất, bố trí sản xuất, điều độ sản xuất, quản trị công suất và năng suất trong doanh nghiệp.

Học phần học trước: Quản trị học

10.29. Quản lý chất lượng

Học phần nằm trong khối kiến thức cốt lõi ngành bao gồm các nội dung về chất lượng và chất lượng sản phẩm trong các DN công nghiệp, quản lý chất lượng sản phẩm, chi phí chất lượng, kiểm tra chất lượng, đảm bảo và cải tiến chất lượng, các công cụ thống kê dùng trong quản lý chất lượng cho các doanh nghiệp và các hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội phổ biến như: ISO 9000, ISO 14000, TQM, SA 8000.

Học phần học trước: Quản trị học

10.30. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; các công cụ chủ yếu trong quản trị tài chính doanh nghiệp; các quyết định đầu tư của doanh nghiệp; các quyết định huy động vốn của doanh nghiệp; các quyết định phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; quản trị vốn và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp

Học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

10.31. Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn định hướng chuyên ngành Quản lý công nghiệp, gồm các nội dung: tổng quan về quản trị chiến lược, phân tích môi trường chiến lược, xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm soát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.32. Khởi sự kinh doanh

Học phần khởi sự kinh doanh là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm các nội dung như: Nhận thức về khởi nghiệp, đánh giá bản thân, hình thành ý tưởng kinh doanh, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, xây dựng kế hoạch kinh doanh, khởi sự kinh doanh với vấn đề về vốn, Marketing, nhân sự, kế toán, quy định của pháp luật.

Học phần học trước: Marketing căn bản, nguyên lý kế toán, Thống kê kinh doanh

10.33. Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần thuộc định hướng chuyên ngành quản trị kinh doanh trong khối học phần tự chọn. Học phần gồm những nội dung cơ bản: Một số vấn đề lý luận chung về đầu tư, dự án đầu tư; trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác tổ chức soạn thảo dự án đầu tư; nghiên cứu các căn cứ chủ yếu hình thành dự án đầu tư; nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật của dự án; nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự dự án đầu tư; phân tích tài chính dự án đầu tư; phân tích khía cạnh kinh tế - xã hội dự án đầu tư; so sánh lựa chọn phương án đầu tư.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.34. Quản trị đổi mới sáng tạo

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về quản trị quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Học phần học trước: Quản trị học

10.35. Quản trị rủi ro

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: các loại rủi ro; đo lường rủi ro; quản trị rủi ro, phòng chống rủi ro trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Từ đó có nền tảng cơ sở để ra quyết định đầu tư kinh doanh phải tính tới rủi ro cũng như giải quyết được một số tình huống quản trị.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.36. Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt động của chuỗi cung ứng, nội dung quản trị chuỗi cung ứng, thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng và đo lường hiệu quả hoạt động và tài chính của chuỗi cung ứng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.37. Quản trị logistics

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về logistics như quá trình hình thành và phát triển logistics; vị trí và vai trò của logistics; hoạt động logistics; chi phí logistics; quản trị logistics; và một số hoạt động cơ bản của quản trị logistics.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.38. Quản trị bán hàng

Quản trị bán hàng bao gồm các nội dung khái quát về bán hàng và quản trị bán hàng; kỹ năng bán hàng và quản lý chế độ khách hàng lớn; lập kế hoạch bán hàng; quản trị đội ngũ bán hàng; tổ chức điểm bán hàng; kiểm soát bán hàng; chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.39. Quản trị mua hàng

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về mua hàng và chiến lược mua hàng, quy trình mua hàng, nguyên tắc và kỹ thuật mua hàng, đàm phán trong mua hàng, quản lý nhà cung cấp, một số biện pháp và kỹ thuật kiểm soát chi phí mua hàng và tồn kho trong mua hàng, đạo đức và kiểm toán mua hàng.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.40. Quản trị doanh nghiệp

Học phần quản trị doanh nghiệp gồm các nội dung sau: lý thuyết về quản trị doanh nghiệp; quy trình quản trị doanh nghiệp; các mô hình lý thuyết ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp; khái quát về giám đốc doanh nghiệp; quản trị chiến lược; quản trị nhân sự; quản trị công nghệ; quản trị nhóm trong doanh nghiệp; quản trị kết quả kinh doanh và kiểm tra kiểm soát trong doanh nghiệp.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.41. Quản trị marketing

Học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến lược marketing của doanh nghiệp; khái niệm cơ bản của marketing hiện đại và các quan điểm quản trị marketing; triết lý giá trị khách hàng; quản trị thời cơ marketing thông qua nghiên cứu và phân tích marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.

Học phần học trước: Marketing căn bản, Thực tập nghề nghiệp

10.42. Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần tự chọn, định hướng quản trị kinh doanh, gồm các nội dung: các phương pháp phân tích, áp dụng các phương pháp phân tích vào phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động cung cấp, hoạt động sản xuất, hoạt động tiêu thụ, khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.43. Thương mại điện tử

Học phần bao gồm nội dung: Các cơ sở của thương mại điện tử (hạ tầng kinh tế - xã hội, pháp lý, ...); Mô hình kinh doanh; Sàn giao dịch và marketing điện tử; An ninh; Quy trình mua bán và thanh toán. Học phần nhằm cung cấp cách thức sử dụng thương mại điện tử trong giao dịch mua bán và quy trình xây dựng mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử.

Học phần học trước: Marketing căn bản

10.44. Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh

Nội dung học phần gồm khái quát về giao tiếp và đàm phán kinh doanh; các hình thức, nguyên tắc giao tiếp; các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp; quy trình đàm phán; kỹ thuật và nghệ thuật trong đàm phán kinh doanh.

Điều kiện tiên quyết: Không

10.45. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Học phần cung cấp các kiến thức và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về một số chủ điểm trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh như: mô hình doanh nghiệp, quản trị nhân sự, tài chính, kế toán, truyền thông – marketing, chiến lược kinh doanh, mô hình kinh doanh, hoạt động sản xuất, Trong mỗi bài học có tích

hợp các bài tập và tình huống thực tế, giúp cho sinh viên hình thành và củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch các tài liệu chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản

10.46. Văn hoá doanh nghiệp

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hóa doanh nghiệp, các dạng của văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, đạo đức kinh doanh và văn hóa trong các hoạt động quản lý công nghiệp.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.47. Kế toán quản trị

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm các nội dung cơ bản sau: Bản chất, vai trò, chức năng và đối tượng kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành trong doanh nghiệp; Phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng và lợi nhuận và kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn.

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

10.48. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trong kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về ra quyết định và giải quyết vấn đề trong kinh doanh: quy trình và một số công cụ, kỹ thuật giải quyết vấn đề; thông tin cơ sở hỗ trợ quyết định quản trị; quy trình ra quyết định; các phương pháp và một số mô hình, kỹ thuật ra quyết định trong kinh doanh.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.49. Kỹ năng lãnh đạo

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo như: phong cách, tổ chức lãnh đạo; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động lãnh đạo và một số kỹ năng bổ trợ cho lãnh đạo: tạo động lực, giao tiếp, thuyết trình, phân cấp, ủy quyền và giải quyết xung đột, xây dựng và phát triển đội nhóm.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.50. Kỹ năng bán hàng hiện đại

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về bán hàng hiện đại, bao gồm: Khái quát về bán hàng hiện đại, kỹ năng bán hàng hiện đại; hành vi người tiêu dùng; quy trình bán hàng và thực hành bán hàng hiện đại.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.51. Quản trị thương hiệu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Học phần học trước: Marketing căn bản, Thực tập nghề nghiệp

10.52. Quản trị hành chính văn phòng

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, tập trung đến các nghiệp vụ hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh) và cách thức xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.53. Thực tập nghề nghiệp

Là học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp, qua đó sinh viên được tìm hiểu về doanh nghiệp và các vị trí việc làm của doanh nghiệp công nghiệp. Qua đó, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thu thập thông tin và bước đầu tiếp cận thực tế nghiệp vụ của các vị trí sẽ làm việc sau này.

Học phần học trước: Thống kê kinh doanh

10.54. Thực hành lập kế hoạch kinh doanh

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch kinh doanh và triển khai kế hoạch kinh doanh bao gồm vai trò của việc lập kế hoạch kinh doanh, cấu trúc của một bản kế hoạch kinh doanh, các chiến lược, giải pháp kinh doanh, marketing, sản xuất, tổ chức, tài chính, để từ đó, người học có khả năng lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động kinh doanh.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.55. Thực tập cuối khóa

Học phần này giúp sinh viên kết hợp giữa lý luận đã học tại trường với thực tiễn, vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra; tìm hiểu về tổ chức và vận hành bộ máy quản lý của doanh nghiệp; khái quát được các hoạt động quản lý của một số vị trí quản lý tại đơn vị thực tập như: lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện kế hoạch, lãnh đạo và kiểm tra kiểm soát trong doanh nghiệp. Đồng thời tìm hiểu các hoạt động quản lý trong một số lĩnh vực: mua hàng, nhân sự, marketing, tài chính, chất lượng, vật tư thiết bị công nghệ, bán hàng, marketing,...

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.56. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh

Học phần bao gồm các nội dung: phương pháp, công cụ, nghiệp vụ và kỹ năng nghiên cứu trong kinh doanh; quy trình đề xuất nghiên cứu; thiết kế nghiên cứu; phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp; phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp; phân tích định tính và định lượng, kiểm định giả thiết; phương pháp viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh.

Học phần học trước: Thống kê kinh doanh

10.57. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần này giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng đã học để phát hiện và giải quyết vấn đề trong công tác quản lý công nghiệp một cách khoa học. Bắt đầu từ hệ thống hoá lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, đánh giá thực trạng vấn đề theo khung lý luận, tiếp theo là đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trên cơ sở thực trạng và khung lý luận áp dụng. Ngoài ra, sinh viên phải gắn vấn đề nghiên cứu với công tác quản trị kinh doanh tại Việt Nam hiện nay.

Học phần học trước: Thực tập cuối khóa

10.58. Thuế

Học phần gồm các nội dung cơ bản: phạm vi áp dụng, phương pháp xác định số thuế phải nộp, cách thức tiến hành các hoạt động kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế cũng như các quy định về miễn, giảm và hoàn thuế đến các sắc thuế cơ bản hiện hành gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở Việt Nam.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.59. Bảo hiểm

Học phần bao gồm những kiến thức về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm hỏa hoạn nhằm giúp cho người học biết phương pháp bảo vệ, phòng ngừa những thiệt hại về tài sản, con người khi gặp rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.60. Thị trường chứng khoán

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại chứng khoán và thị trường chứng khoán. Học phần tập trung đi sâu vào việc nghiên cứu về thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp trên thế giới và tại Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên cách nhìn tổng quan và cách thức để phân tích các chỉ số cơ bản của các loại chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

Học phần: Thực tập nghề nghiệp

10.61. Quản trị công nghệ

Học phần bao gồm các nội dung về công nghệ, quản trị công nghệ trong doanh nghiệp và ngành nhằm phân tích, đánh giá, lựa chọn và chuyển giao công nghệ thích hợp phục vụ cho đổi mới công nghệ.

Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp

10.62. Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học các mô hình hồi quy và các kỹ thuật phân tích với ngôn ngữ R, để từ đó thể đó có thể đưa ra các dự báo, đặc biệt trong điều kiện dữ liệu lớn, tốc độ và nhiều hình thức đa dạng, với hỗ trợ của phát triển công nghệ máy tính hiện nay. Người học được ứng dụng kiến thức để phân tích các số liệu kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử như phân nhóm khách hàng, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng, dự báo doanh số bán hàng.

Học phần học trước: Thống kê kinh doanh

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đối với các học phần thực hành:

+ Tất cả các học phần có nội dung giảng dạy liên quan đến ngành đều có bài tập vận dụng kiến thức vào việc quản lý công nghiệp tương ứng ở dạng bài tập vận dụng, liên hệ thực tế.

+ Ngoài việc sinh viên tự liên hệ và tìm hiểu, giảng viên sẽ tổ chức cho sinh viên đi tham quan nội dung tương ứng tại doanh nghiệp.

- Đối với các học phần tự chọn:

+ Sinh viên chọn 1 trong các định hướng chuyên ngành.

+ Trong mỗi định hướng chuyên ngành, sinh viên chọn đủ 15 tín chỉ.

- Đối với các học phần thực tập

+ Học kỳ thứ 4, sinh viên được làm quen với môi trường làm việc tại doanh nghiệp trong 4 tuần; bố trí toàn bộ học phần học lý thuyết hoặc lý thuyết và thực hành trên lớp học trước, bố trí học phần thực tập nghề nghiệp 1 vào 4 tuần cuối cùng của học kỳ.

+ Học kỳ thứ 7, sinh viên làm dự án trong 8 tuần; bố trí toàn bộ học phần học lý thuyết hoặc lý thuyết và thực hành trên lớp học trước.

+ Định kỳ sinh viên báo cáo kết quả đi thực tập với giảng viên hướng dẫn. Giảng viên hướng dẫn kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về địa điểm, nội dung thực tập của sinh viên tại doanh nghiệp. Giảng viên hướng dẫn phối hợp với doanh nghiệp trong việc quản lý sinh viên thực tập.

- Đối với việc làm khoá luận tốt nghiệp:

- + Sinh viên có điểm trung bình tích lũy 6 kỳ từ 2,5 trở lên;
- + Điểm trung bình các môn chuyên ngành của 6 kỳ đạt từ 2,5 trở lên, lấy điểm chính thức của học phần;
- + Sinh viên xếp trình độ năm thứ 3.
- + Sinh viên phải đăng ký đề tài làm khoá luận tốt nghiệp trước khi học kỳ thứ 7 bắt đầu.
- + Nếu sinh viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp thì học bổ sung các học phần còn lại theo định hướng chuyên ngành tự chọn với điều kiện đảm bảo đủ 9 tín chỉ.
- Cấp bậc về quá trình tư duy xác định mức độ chuẩn đầu ra:
 - + Về kiến thức: sử dụng thang đo Bloom
 - + Về kỹ năng: sử dụng thang đo Harrow
 - + Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: sử dụng thang đo Krathwohl

12. Ma trận đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra

T T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)																			
		Kiến thức								Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PL O1	PL O2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	P L O 8	P L 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13	P L O 14	P L O 15	P L O 16	P L O 17	P L O 18	P L O 19	PL O 20
1	Triết học Mác- Lênin	X															X		X		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X															X		X		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X															X		X		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X															X		X		
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X															X		X		
6	Tiếng Anh cơ bản		X											X							X
7	Toán cao cấp		X												X						X
8	Toán xác suất và thống kê		X												X						X
9	Tin học đại cương		X												X			X			X

10	Pháp luật	X													X			X		
11	Giáo dục thể chất			X														X		
12	Giáo dục quốc phòng - An ninh			X														X		
13	Kinh tế vi mô					X						X							X	
14	Kinh tế vĩ mô					X						X							X	
15	Quản trị học				X							X							X	
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ					X						X							X	
17	Nguyên lý kế toán				X							X							X	
18	Marketing căn bản					X						X				X			X	
19	Toán kinh tế					X						X					X		X	
20	Kinh tế lượng				x							X					X		X	
21	Kinh tế quốc tế					X						X							X	
22	Kinh tế môi trường					X						X							X	
23	Thống kê kinh doanh				X							X					X		X	
24	Pháp luật kinh tế	x									X							X	X	
25	Hệ thống thông tin quản lý				X							X					X			X
26	Quản trị nhân lực					X					X	X						x		X
27	Ứng dụng ERP trong quản trị doanh nghiệp						X					X					X	X		X
28	Quản trị sản xuất và tác nghiệp					X					X	X	X				X		X	
29	Quản lý chất lượng					X					X	X	X				X		X	
30	Quản trị tài chính doanh nghiệp					X					X	X	X						X	
31	Quản trị chiến lược					X					X	X	X						X	
32	Khởi sự kinh doanh					X	X				X	X						X	x	

3 3	Lập và phân tích dự án đầu tư					X				X	X	X					X	X	X		
3 4	Quản trị đổi mới sáng tạo					X				X			X				X	X	X		
3 5	Quản trị rủi ro						X						X							X	
3 6	Quản trị chuỗi cung ứng						X					X	X							X	
3 7	Quản trị logistics						X					X	X							X	
3 8	Quản trị bán hàng						X				x		X			X			X		
3 9	Quản trị mua hàng						X								X	X			X		
4 0	Quản trị doanh nghiệp						X						X		X	X			X		
4 1	Quản trị marketing						X						X		X				X		
4 2	Quản trị công nghệ						X							x	X				X		
4 3	Thương mại điện tử						X							x		X			X		
4 4	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh						X							x	X	X			X		
4 5	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh		X											X							X
4 6	Văn hóa doanh nghiệp						X					x			X				X		
4 7	Kế toán quản trị						X						X						X		
4 8	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh						X					X	X							x	
4 9	Kỹ năng lãnh đạo						X					X	X							X	
5 0	Kỹ năng bán hàng hiện đại						X					X	X							X	
5 1	Quản trị thương hiệu						X					X								X	

5 2	Quản trị hành chính văn phòng						X					X							X	
5 3	Thực tập nghề nghiệp							x				X					X			X
5 4	Thực hành lập kế hoạch kinh doanh						X		X	X		X								X
5 5	Thực tập cuối khóa						X			x		X			X					X
5 6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh				X							X				x	X			X
5 7	Khóa luận tốt nghiệp								X			X				X	X			X
5 8	Thuế						X			X		X						X		
5 9	Bảo hiểm						X			X		X						X		
6 0	Thị trường chứng khoán						X			X		X						X		
6 1	Quản trị công nghệ						X					X				X	X		X	
6 2	Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh		X										X				X			X

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Tên chương trình: Quản trị kinh doanh

Vẽ sơ đồ:



Thể hiện điều kiện tiên quyết



Thể hiện học phần học trước



Thể hiện học phần song hành

KT. Hiệu trưởng
Phó hiệu trưởng

Nguyễn Văn Đức

